TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Công Dịnh
2. Ông Nguyễn Văn Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Phượng Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Bé C, sinh năm 1990 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 6 L, xã B, huyện Th, tỉnh Cà Mau
2. Bị đơn: Anh Võ Minh T, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã Tr, huyện Th, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Bé C trình bày:*

Về hôn nhân: Chị C và anh T được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Th, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/12/2011. Vợ chồng sống tại ấp M, xã Tr, huyện Th. Quá trình chung sống, chị C phát hiện nhiều lần anh T ngoại tình, anh T năn nỉ nên chị bỏ qua. Nhưng chứng nào tật nấy, anh T vẫn đi lăng nhăng, rồi C bạo lực với chị. Anh T còn hăm dọa chị không cho chị ly hôn, làm chị hoang mang lo sợ, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp 6 L, xã B sinh sống. Nay chị yêu cầu được ly hôn đối với anh T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Võ Ái M (giới tính: Nữ), sinh ngày 15/9/2012, đang do chị C nuôi dạy. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị C vẫn bảo lưu ý kiến của mình như đã trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Chị C và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên được công nhận là vợ chồng. Theo tài liệu do chị C cung cấp, xác định được hai người đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2019 đến nay. Thời gian ly thân, hai người không quan tâm mà bỏ mặc nhau. Trong khi anh T không có ý kiến gì khác. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai người có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị C được ly hôn đối với anh T.

[3] Các đương sự có 01 người con gái hơn 07 tuổi hiện do chị C nuôi dạy. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của người con này. Trong khi anh T không có ý kiến gì khác. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị C được tiếp tục nuôi con chung.

[4] Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Chị C không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Chị C không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và xác định không có nợ chung, nên không xem xét.

[7] Chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Tại phiên tòa: Chị C có mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt anh Võ Minh T.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Bé C được ly hôn đối với anh Võ Minh T.

3. Chị C được quyền tiếp tục nuôi người con chung tên Võ Ái M (giới tính: Nữ), sinh ngày 15 tháng 9 năm 2012.

4. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

5. Chị C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần chị C nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010932 ngày 05 tháng 02 năm 2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành được khấu trừ.

6. Chị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, CM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế